

Số: **5311** / BHXH - TCCB
V/v hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập
của cán bộ, công chức, viên chức

Hà Nội, ngày **13** tháng **12** năm **2011**

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 về minh bạch tài sản, thu nhập; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03/7/2008 về Danh mục người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập; Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 và Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22/01/2010 hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức;

Ngày 08/8/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập. Trên cơ sở những sửa đổi, bổ sung của Nghị định 68/2011/NĐ-CP, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh) thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức như sau:

1. Mục đích của việc kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập là để cơ quan, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành (sau đây gọi chung là công chức, viên chức), góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

2. Đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

2.1. Đối tượng thực hiện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu:

Áp dụng cho những trường hợp chưa kê khai tài sản, thu nhập lần nào theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP.

2.2. Đối tượng thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung định kỳ hằng năm:

Áp dụng cho những trường hợp công chức, viên chức đã kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP, cụ thể như sau:

a) Công chức, viên chức đã được bổ nhiệm giữ chức vụ trong hệ thống của Ngành gồm:

- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các tổ chức giúp việc Tổng Giám đốc, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, các đơn vị trực thuộc khác và những người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh.
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương.
- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng trực thuộc BHXH các tỉnh.
- Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội cấp huyện) .
- Kế toán trưởng các đơn vị dự toán cấp I, cấp II, cấp III; Kế toán trưởng các Ban quản lý dự án trực thuộc BHXH Việt Nam.

b) Những người đang được bố trí làm việc ở những vị trí công tác:

Kế toán; thủ quỹ; thủ kho; mua sắm vật tư, tài sản, phương tiện; cấp phát vật tư, nhiên liệu và trang thiết bị; thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; phân bổ kế hoạch, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức bộ máy và biên chế; thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

2.3. Đối tượng thực hiện kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức gồm:

- Người dự kiến được bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ quản lý thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Người đang giữ chức vụ, nay đến thời hạn được xem xét bổ nhiệm lại; điều động và bổ nhiệm hoặc được xem xét bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn.
- Người được xem xét bổ nhiệm kế toán trưởng.
- Người dự kiến bị miễn nhiệm, cách chức.

3. Nguyên tắc kê khai tài sản, thu nhập

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm tự kê khai theo các thông tin quy định tại Mẫu ban hành kèm theo Nghị định 68/2011/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai;

- Nếu kê khai lần đầu thì người kê khai thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 68/2011/NĐ-CP.

- Nếu kê khai bổ sung theo định kỳ hàng năm thì người kê khai thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 68/2011/NĐ-CP.

Việc kê khai bổ sung theo định kỳ hàng năm chỉ thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động tổng thu nhập trong kỳ kê khai từ 50 triệu đồng trở lên hoặc khi có biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định.

- Nếu kê khai phục vụ việc bổ nhiệm thì người kê khai thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 68/2011/NĐ-CP.

4. Trình tự thực hiện kê khai tài sản, thu nhập

4.1. Kê khai lần đầu:

- Áp dụng đối với người được dự kiến bổ nhiệm chức vụ quản lý nếu trước đó chưa từng giữ chức vụ và chưa từng kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP và thông tư 2442/2007/TT-TTCP hoặc những người được bố trí vào vị trí công tác quy định tại Điểm b, Khoản 2.2, Mục 2 của Công văn này (nếu trước đó chưa từng kê khai tài sản, thu nhập). Ban Tổ chức cán bộ, Phòng Tổ chức - Hành chính hoặc Phòng Tổ chức cán bộ (sau đây gọi chung là Phòng Tổ chức - Hành chính) Bảo hiểm xã hội tỉnh phát Mẫu số 01 và hướng dẫn việc kê khai tài sản thu nhập lần đầu. Bản kê khai được thủ trưởng đơn vị nơi người đó công tác công bố tại cuộc họp của đơn vị rồi gửi lại cho bộ phận tổ chức cán bộ của cơ quan để lưu giữ.

Thời gian thực hiện việc kê khai lần đầu đối với người mới được bố trí vào vị trí công tác quy định tại Điểm b, Khoản 2.2, Mục 2 của Công văn này là 01 tháng kể từ khi người thuộc diện kê khai được bố trí vào vị trí công tác đó. Trình tự kê khai đối với người được dự kiến bổ nhiệm lần đầu áp dụng như trường hợp kê khai phục vụ công tác bổ nhiệm (kê khai theo Mẫu số 01).

4.2. Kê khai phục vụ công tác bổ nhiệm:

- Khi có kế hoạch, dự kiến bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại thì Ban Tổ chức cán bộ hoặc Phòng Tổ chức - Hành chính phát mẫu kê khai phục vụ việc bổ nhiệm (Mẫu số 03) cho người dự kiến được bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại để thực hiện việc kê khai.

- Thời hạn kê khai, nộp Bản kê khai do thủ trưởng đơn vị ấn định để đảm bảo công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thực hiện theo đúng quy trình, nhưng phải hoàn thành trước thời điểm lấy phiếu tín nhiệm và đảm bảo đủ thời gian 10 ngày cho người kê khai thực hiện việc kê khai.

4.3. *Kê khai bổ sung hằng năm:*

Vào tháng 11 hằng năm, Ban Tổ chức cán bộ Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm lập danh sách những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Phòng Tổ chức - Hành chính thuộc Bảo hiểm xã hội các tỉnh lập danh sách dự kiến những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị. Bản danh sách này được gửi đến từng đơn vị và người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ký xác nhận việc có hay không có sự biến động tài sản trong phạm vi phải kê khai theo quy định.

Trên cơ sở danh sách dự kiến đã được xác nhận của từng cá nhân, Ban Tổ chức cán bộ và Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm phát mẫu biểu kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (Mẫu số 02) cho công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai.

Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 hằng năm và người kê khai có trách nhiệm bàn giao Bản kê khai cho thủ trưởng đơn vị để chuẩn bị công bố tại cuộc họp của đơn vị.

5. Thực hiện việc công khai và lưu giữ Bản kê khai

5.1. Công khai Bản kê khai:

Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện như sau:

- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi mình thường xuyên làm việc. Hình thức công bố là tại cuộc họp của đơn vị.

+ Tại cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam ở Trung ương, cuộc họp được tổ chức theo cấp Ban và tương đương. Bản kê khai tài sản của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc được công bố tại cuộc họp của Ban Cán sự Đảng.

+ Tại Bảo hiểm xã hội tỉnh, cuộc họp được tổ chức theo cấp Phòng và cấp huyện. Bản kê khai tài sản của công chức là Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh được công bố tại cuộc họp của lãnh đạo và cấp ủy Bảo hiểm xã hội tỉnh.

- Thời điểm tổ chức cuộc họp để công khai Bản kê khai được thực hiện trong vòng một tháng sau khi hoàn thành việc kê khai, kể từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 01.

5.2. Lưu giữ Bản kê khai:

Bản kê khai tài sản, thu nhập sau khi được công khai tại đơn vị, thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm bàn giao lại cho bộ phận tổ chức của cơ quan để lưu cùng hồ sơ cán bộ (ở Bảo hiểm xã hội Việt Nam bàn giao cho Ban Tổ chức cán bộ; ở Bảo hiểm xã hội tỉnh bàn giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính). Bản kê khai tài sản, thu nhập chỉ được khai thác, sử dụng trong các trường hợp: phục vụ cho việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu

nhập; phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền trong việc thẩm tra, xác minh, kết luận về hành vi tham nhũng; phục vụ công tác khác liên quan đến tổ chức, cán bộ. Bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên còn được quản lý theo các quy định của Đảng.

Việc lưu giữ Bản kê khai cụ thể như sau:

a) *Tại cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam:*

+ Bản kê khai của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thủ trưởng, Phó thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam được sao thêm 01 bản; bản gốc gửi về Ban Tổ chức cán bộ để lưu hồ sơ cán bộ; 01 bản gửi về Ban Cán sự đảng để báo cáo các cơ quan theo quy định.

+ Những người kê khai còn lại, gửi Bản kê khai gốc về Ban Tổ chức cán bộ để lưu hồ sơ.

b) *Tại Bảo hiểm xã hội tỉnh:*

+ Bản kê khai của Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh được sao thêm 03 bản: bản gốc gửi về Ban Tổ chức cán bộ BHXH Việt Nam; 01 bản gửi cho tỉnh uỷ, thành uỷ; 01 bản gửi Thanh tra tỉnh; 01 bản lưu tại Phòng Tổ chức - Hành chính.

+ Bản kê khai của Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp huyện được sao thêm 02 bản: 01 bản gốc gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh để lưu cùng hồ sơ cán bộ; 01 bản gửi huyện uỷ hoặc quận uỷ, thành uỷ, thị uỷ; 01 bản gửi Thanh tra huyện hoặc tương đương.

+ Bản kê khai của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh được sao thêm 01 bản: 01 bản gốc gửi lưu hồ sơ cán bộ, 01 bản gửi Thanh tra tỉnh, thành phố.

Những người kê khai còn lại không thuộc diện cán bộ quản lý như trên thì Bản kê khai gốc được lưu cùng hồ sơ cán bộ của người đó tại Phòng Tổ chức - Hành chính.

6. Căn cứ yêu cầu xác minh tài sản thu nhập

Việc yêu cầu xác minh tài sản, thu nhập được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Khi có kết luận của cơ quan Kiểm tra Đảng, cơ quan Thanh tra Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan điều tra về trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập liên quan đến hành vi tham nhũng.

- Khi có tố cáo hoặc phản ánh về vấn đề tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà tố cáo, phản ánh đó có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có căn cứ để xác minh về sự không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và người tố cáo, phản ánh nêu rõ họ, tên, địa chỉ, cam kết hợp tác đầy đủ, cung cấp tài liệu mà mình có cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

- Khi thấy cần có thêm thông tin phục vụ cho việc bầu cử, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

7. Xử lý các vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

7.1. Xử lý kỷ luật đối với hành vi chậm tổ chức việc kê khai, chậm kê khai, và chậm tổng hợp báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập:

Thủ trưởng đơn vị có cán bộ thuộc đối tượng phải kê khai mà tổ chức việc kê khai chậm so với quy định của pháp luật; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà kê khai chậm so với thời hạn do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định; người có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập mà thực hiện chậm so với quy định về thời hạn tổng hợp, báo cáo do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị quy định thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Hạ bậc lương.

7.2. Xử lý kỷ luật đối với người kê khai không trung thực:

a) Đối với cán bộ bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Cách chức.

b) Đối với công chức, viên chức bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Hạ bậc lương;
- Giáng chức;
- Cách chức.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với các vi phạm trên được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên

chức. Quyết định kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực phải được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, tổ chức đơn vị nơi người đó làm việc; thời hạn công khai ít nhất là ba tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật được ban hành.

8. Trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức

8.1. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ủy quyền cho Trưởng Ban Tổ chức cán bộ trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập cho toàn thể công chức, viên chức trong ngành; đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản, thu nhập, quản lý Bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai là công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam và công chức là lãnh đạo Bảo hiểm xã hội tỉnh; tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập của Ngành gửi Thanh tra Chính phủ.

8.2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm đôn đốc công chức, viên chức tại đơn vị mình thực hiện kê khai đúng quy định về nội dung và thời hạn kê khai.

8.3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản, thu nhập, quản lý Bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai đang công tác tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh.

8.4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm giải quyết các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận liên quan đến minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị mình quản lý theo phân cấp. Việc xem xét, giải quyết các kiến nghị phải thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị và gửi thông báo kết quả giải quyết cho cơ quan gửi kiến nghị.

9. Tổ chức thực hiện

Theo định kỳ hằng năm, sau khi công tác kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện, Bảo hiểm xã hội tỉnh gửi Báo cáo kết quả kê khai, xác minh, kết luận, công khai kết quả xác minh và thu nhập trong năm về Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thanh tra tỉnh. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo; Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 15 tháng 2 của năm sau. Mẫu báo cáo theo biểu số 02A ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCP; Gửi kèm theo Báo cáo là Bản kê khai tài sản, thu nhập của Giám đốc, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh (nếu có) và bản sao Danh sách dự kiến những người thuộc diện kê khai tài sản bổ sung trong năm (đã được ký xác nhận).

Báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập **năm 2011** của Bảo hiểm xã hội các tỉnh gửi về Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thanh tra tỉnh chậm nhất là ngày **15/02/2012**.

Công văn này thay thế Công văn số 4568/BHXH-TCCB ngày 27/10/2010 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

Kèm theo Công văn này những biểu mẫu sau:

- Mẫu số 01: Áp dụng cho kê khai tài sản, thu nhập lần đầu;
- Mẫu số 02: Áp dụng cho kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (kê khai từ lần thứ 2 trở đi);
- Mẫu số 03: Áp dụng cho kê khai tài sản, thu nhập phục vụ việc bổ nhiệm, miễn nhiệm;
- Mẫu 02A: Biểu thống kê báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập trong năm;
- Mẫu danh sách dự kiến công chức, viên chức thuộc diện kê khai tài sản bổ sung hàng năm.

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc những nội dung của Công văn này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu:VT, TCCB (10).


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Bạch Hồng

Mẫu số 01
MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
ÁP DỤNG CHO KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Bao gồm tài sản của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên người kê khai tài sản, thu nhập:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Tuổi:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

STT	THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP			
1.	Nhà ở, công trình xây dựng			
a)	Nhà ở		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Loại nhà	Cấp 1 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 2 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 3 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 4 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:
b)	Công trình xây dựng ¹		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tên công trình	Nhà hàng <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Khách sạn, nhà nghỉ <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Khu nghỉ dưỡng, sinh thái <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Nhà xưởng, nhà kho <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
c)	Công trình xây dựng khác: <input type="checkbox"/>			
d) Ghi chú	Tài sản nào chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, lý do:			
2.	Quyền sử dụng đất		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a) Phân nhóm đất	Đất ở <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất trồng cây hằng năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất trồng cây lâu năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất lâm nghiệp <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
	Đất nuôi trồng thủy sản, làm muối <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:

¹ Công trình có công năng tổng hợp thì ghi theo công năng chính.

b)	Phân nhóm đất khác: <input type="checkbox"/>			
c) Ghi chú	Thửa đất nào chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do:			
3	Tài sản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên:	Tên:	Tên:	Tên:
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:
4.	Tài khoản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Ngân hàng thứ nhất Tên ngân hàng:		Ngân hàng thứ hai Tên ngân hàng:	
	Địa chỉ: Số dư TK:		Địa chỉ: Số dư TK:	
	Ngân hàng thứ...			
5.	Thu nhập			
	Tổng lương, các khoản phụ cấp theo lương, thu nhập khác/năm	đồng	
6.	Mô tô, ô tô, tàu thuyền mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính:	đồng	
	Mô tô <input type="checkbox"/>	Ô tô <input type="checkbox"/>	Tàu <input type="checkbox"/>	Thuyền <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:
	Tài sản khác:			
7.	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính:	 đồng	
	Tên:	Tên:	Tên:	Tên:
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:
	Loại khác:			

8.	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyên nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính	 đồng	
	Tiền mặt	Tiền gửi tại ngân hàng trong nước	Cổ phiếu	Trái phiếu
	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	Số lượng:	Tổng giá trị:
Công cụ chuyên nhượng khác:				
9.	Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính	 đồng	
	Đồ cổ <input type="checkbox"/>	Tranh quý <input type="checkbox"/>	Cây cảnh <input type="checkbox"/>	
	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	
Tài sản khác:				
10.	Nợ phải trả (quy đổi ra VN đồng tại thời điểm kê khai)		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a)	Nợ ngân hàng, tổ chức tín dụng		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ nhất		Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ hai	
	Địa chỉ:		Địa chỉ:	
Số dư nợ:		Số dư nợ:		
b)	Nợ cá nhân, tổ chức khác		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Cá nhân, tổ chức thứ nhất		Cá nhân, tổ chức thứ hai	
	Tên: Địa chỉ:		Tên: Địa chỉ:	
Số dư nợ:		Số dư nợ:		
c)	Khoản nợ phải trả khác:			

..., ngày tháng năm

Người kê khai tài sản, thu nhập

(Ký, ghi rõ họ tên trên từng trang của bản kê khai)

Mẫu số 02
MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG
ÁP DỤNG CHO KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP TỪ LẦN THỨ HAI TRỞ ĐI
(Bao gồm tài sản của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên người kê khai tài sản, thu nhập:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Tuổi:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

STT	THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP			
1.	Nhà ở, công trình xây dựng			
a)	Biến động về nhà ở		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Loại nhà	Cấp 1 <input type="checkbox"/>	Cấp 2 <input type="checkbox"/>	Cấp 3 <input type="checkbox"/>	Cấp 4 <input type="checkbox"/>
	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Địa chỉ	Địa chỉ	Địa chỉ	Địa chỉ
	Diện tích sàn xây dựng:	Diện tích sàn xây dựng:	Diện tích sàn xây dựng:	Diện tích sàn xây dựng:
b)	Biến động về công trình xây dựng ²		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tên công trình	Nhà hàng <input type="checkbox"/>	Khách sạn, nhà nghỉ <input type="checkbox"/>	Khu nghỉ dưỡng, sinh thái <input type="checkbox"/>	Nhà xưởng, nhà kho <input type="checkbox"/>
	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>	Tầng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:
	Diện tích sàn xây dựng:	Diện tích sàn xây dựng:	Diện tích:	Diện tích:
Biến động công trình xây dựng khác: <input type="checkbox"/>				
.....				
.....				
.....				

¹ Công trình có công năng tổng hợp thì ghi theo công năng chính.

2.	Biến động về quyền sử dụng đất		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a) Phân nhóm đất	Đất ở <input type="checkbox"/>	Đất trồng cây hằng năm <input type="checkbox"/>	Đất trồng cây lâu năm <input type="checkbox"/>	Đất lâm nghiệp <input type="checkbox"/>
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:
	Diện tích:	Diện tích:	Diện tích:	Diện tích:
	Đất nuôi trồng thủy sản, làm muối <input type="checkbox"/>	Đất nông nghiệp khác <input type="checkbox"/>	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/>	Đất phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/>
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:	Địa chỉ:
	Diện tích:	Diện tích:	Diện tích:	Diện tích:
b)	Biến động đối với phân nhóm đất khác: <input type="checkbox"/>			
3.	Biến động về tài sản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên:	Tên:	Tên:	Tên:
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:

4.	Biến động về tài khoản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Ngân hàng thứ nhất Tên ngân hàng: Địa chỉ: Tăng <input type="checkbox"/> Giảm <input type="checkbox"/> Số dư TK:		Ngân hàng thứ hai Tên ngân hàng: Địa chỉ: Tăng <input type="checkbox"/> Giảm <input type="checkbox"/> Số dư TK:	
	Ngân hàng thứ...			
5.	Biến động về thu nhập từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tăng	đồng	
	Giảm	đồng	
6.	Biến động về mô tô, ô tô, tàu thuyền mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Giá trị tài sản biến động ước tính:		Tăng:đồng	
			Giảm:đồng	
	Mô tô <input type="checkbox"/>	Ô tô <input type="checkbox"/>	Tàu <input type="checkbox"/>	Thuyền <input type="checkbox"/>
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	
Giá trị	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	
Biến động tài sản khác:				

7.	Biến động về kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Giá trị tài sản biến động ước tính:		Tăng:đồng	
			Giảm:đồng	
	Tên:	Tên:	Tên:	Tên:
Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	
Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	
Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	
Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	
Biến động khác:				
8.	Biến động về tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Giá trị tài sản biến động ước tính:		Tăng:đồng	
			Giảm:đồng	
	Tiền mặt	Tiền gửi tại ngân hàng trong nước	Cổ phiếu	Trái phiếu
Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	
Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	
Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	Số lượng:	Tổng giá trị:	
Biến động đối với công cụ chuyển nhượng khác:				
9.	Biến động về tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Giá trị tài sản biến động ước tính:		Tăng:đồng	
			Giảm:đồng	

	Đồ cổ <input type="checkbox"/>	Tranh quý <input type="checkbox"/>	Cây cảnh <input type="checkbox"/>	
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>	
	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	
Biến động tài sản khác:				
10.	Biến động đối với nợ phải trả (quy đổi ra VN đồng tại thời điểm kê khai)		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a)	Biến động đối với các khoản nợ ngân hàng, tổ chức tín dụng		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ nhất		Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ hai	
	Địa chỉ:		Địa chỉ:	
	Tăng <input type="checkbox"/>		Tăng <input type="checkbox"/>	
	Giảm <input type="checkbox"/>		Giảm <input type="checkbox"/>	
	Số dư nợ:		Số dư nợ:	
b)	Biến động đối với nợ cá nhân, tổ chức khác		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Cá nhân, tổ chức thứ nhất		Cá nhân, tổ chức thứ hai	
	Tên:		Tên:	
	Địa chỉ:		Địa chỉ:	
	Tăng <input type="checkbox"/>		Tăng <input type="checkbox"/>	
	Giảm <input type="checkbox"/>		Giảm <input type="checkbox"/>	
	Số dư nợ:		Số dư nợ:	
c)	Biến động đối với khoản nợ phải trả khác:			

..., ngày tháng năm
Người kê khai tài sản, thu nhập
(Ký, ghi rõ họ tên trên từng trang của bản kê khai)

Mẫu số 03**MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
ÁP DỤNG CHO KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ BỔ NHIỆM,
MIỄN NHIỆM, CÁCH CHỨC; ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI,
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN; BẦU, PHÊ CHUẨN TẠI QUỐC HỘI,
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

(Bao gồm tài sản của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người kê khai tài sản, thu nhập**

- Họ và tên người kê khai tài sản, thu nhập:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:
- Chức vụ/chức danh công tác:
- Cơ quan/đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập**a) Con thứ nhất:**

- Họ và tên:
- Tuổi:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

b) Con thứ hai (trở lên): (kê khai như con thứ nhất)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

STT	THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP			
1	Nhà ở, công trình xây dựng			
a)	Nhà ở		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Loại nhà	Cấp 1 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 2 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 3 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 4 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:
b)	Công trình xây dựng ³		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tên công trình	Nhà hàng <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Khách sạn, nhà nghỉ <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Khu nghỉ dưỡng, sinh thái <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Nhà xưởng, nhà kho <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
c)	Công trình xây dựng khác: <input type="checkbox"/>			
d) Ghi chú	Tài sản nào chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, lý do:			

³ Công trình có công năng tổng hợp thì ghi theo công năng chính.

2	Quyền sử dụng đất		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a) Phân nhóm đất	Đất ở <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất trồng cây hằng năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất trồng cây lâu năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất lâm nghiệp <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
	Đất nuôi trồng thủy sản, làm muối <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất phi nông nghiệp khác <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
b)	Phân nhóm đất khác: <input type="checkbox"/>			
c) Ghi chú	Thửa đất nào chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do:			
3.	Tài sản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên: Số lượng: Giá trị:	Tên: Số lượng: Giá trị:	Tên: Số lượng: Giá trị:	Tên: Số lượng: Giá trị:
4.	Tài khoản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Ngân hàng thứ nhất Tên ngân hàng: Địa chỉ: Số dư TK:		Ngân hàng thứ hai Tên ngân hàng: Địa chỉ: Số dư TK:	

	Ngân hàng thứ...			
			
			
			
5	Thu nhập			
	Tổng lương, các khoản phụ cấp theo lương, thu nhập khác/năm	đồng	
6.	Mô tô, ô tô, tàu thuyền mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
	Tổng giá trị ước tính:	đồng	
	Mô tô <input type="checkbox"/>	Ô tô <input type="checkbox"/>	Tàu <input type="checkbox"/>	Thuyền <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:
	Tài sản khác:		
			
7.	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
	Tổng giá trị ước tính:	 đồng	
	Tên:	Tên:	Tên:	Tên:
	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:	Giá trị:
	Loại khác:		
			
8.	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
	Tổng giá trị ước tính	 đồng	
	Tiền mặt	Tiền gửi tại ngân hàng trong nước	Cổ phiếu	Trái phiếu
	Tổng giá trị:	Tổng giá trị:	Số lượng:	Tổng giá trị:

	Công cụ chuyển nhượng khác:		
9	Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính đồng	
	Đồ cổ <input type="checkbox"/> Tổng giá trị:	Tranh quý <input type="checkbox"/> Tổng giá trị:	Cây cảnh <input type="checkbox"/> Tổng giá trị:
	Tài sản khác:		
10	Nợ phải trả (quy đổi ra VN đồng tại thời điểm kê khai)	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a)	Nợ ngân hàng, tổ chức tín dụng	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ nhất Địa chỉ:	Tên ngân hàng, tổ chức tín dụng thứ hai Địa chỉ:	
	Số dư nợ:	Số dư nợ:	
b)	Nợ cá nhân, tổ chức khác	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Cá nhân, tổ chức thứ nhất Tên: Địa chỉ: Số dư nợ:	Cá nhân, tổ chức thứ hai Tên: Địa chỉ: Số dư nợ:	
	Khoản nợ phải trả khác:		
c)			

..., ngày tháng năm
Người kê khai tài sản, thu nhập
(Ký, ghi rõ họ tên trên từng trang của bản kê khai)

BIỂU THỐNG KÊ BÁO CÁO

Kết quả kê khai, xác minh tài sản thu nhập năm

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BHXH ngày tháng năm 2011 của Bảo hiểm xã hội tỉnh....)

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm nhưng chưa kê khai	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung trong năm nhưng chưa kê khai	Số người đã có kết luận xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ban Giám đốc									
2	Phòng Chế độ BHXH									
3									
	BHXH huyện.....									
									
	Tổng số									

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày tháng năm 20

GIÁM ĐỐC

Ghi chú: Kèm theo Thống kê này có báo cáo thuyết minh về: Đánh giá công tác chỉ đạo, kết quả triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị; những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong việc thực hiện kê khai, xác minh về tài sản, thu nhập; nguyên nhân và các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

**DANH SÁCH DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI THUỘC DIỆN
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG NĂM**

Đơn vị: Bảo hiểm xã hội tỉnh....

Số TT	Họ và tên	Chức danh/Đơn vị công tác	Có hoặc Không có biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai	Ký xác nhận
1	Nguyễn Văn A	Giám đốc BHXH tỉnh	Có	
2	Không	
3	Nguyễn Văn B	Trưởng phòng.....	Có	
4	Nguyễn Văn C	Giám đốc BHXH huyện...	Không	
5	Trần Thị A	Kế toán trưởng BHXH huyện....	Có	
6	Bùi Thị C	Thủ quỹ...	Không	
7	

Lưu ý:

Chỉ thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động tổng thu nhập trong kỳ kê khai từ 50 triệu đồng trở lên hoặc khi có biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định./.